

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ**

Địa chỉ: Lô A2, Khu Công Nghiệp Phúc Điền, Xã Cẩm Phúc, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương.

*Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc và  
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán*

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ**  
*Năm 2014*

**Được kiểm toán bởi:**

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM  
(AASCS)**

29 Võ Thị Sáu, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh; Điện thoại: (08).38 205.944–08.38 205.947; Fax: 08.38 205.942

# CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ

Địa chỉ: Lô A2, Khu Công Nghiệp Phúc Điền, Xã Cẩm Phúc, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương.

<b>NỘI DUNG</b>	<b>Trang</b>
<b>Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>	<b>03 – 04</b>
<b>Báo cáo kiểm toán độc lập</b>	<b>05</b>
<b>Báo cáo tài chính đã được kiểm toán</b>	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	06 – 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2014	10 – 11
Bản thuyết minh báo cáo tài chính năm 2014	12 – 31



# CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ

Địa chỉ: Lô A2, Khu Công Nghiệp Phúc Điền, Xã Cẩm Phúc, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương.

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Trường Phú (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính 2014 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Công ty Cổ Phần Trường Phú là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0800298748, đăng ký lần đầu ngày 09 tháng 08 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 04 ngày 27 tháng 5 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hải Dương cấp.

**Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là:** Sản xuất và Thương mại.

**Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:** Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác; Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại; Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng; Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học; Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn; Sản xuất đồ điện dân dụng; Sản xuất thiết bị điện khác; Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác); Sửa chữa máy móc, thiết bị; Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học; Sửa chữa thiết bị điện; Sửa chữa thiết bị khác; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: Bán buôn sắt, thép, đồng, nhôm; Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Kho bãi là lưu trữ hàng hóa; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Cho thuê xe có động cơ; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị.

**Trụ sở chính của Công ty tại:** Lô A2, Khu công nghiệp Phúc Điền, Xã Cẩm Phúc, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương.

**Thông tin về Văn phòng đại diện:**

Tên văn phòng đại diện: Văn phòng đại diện Công ty cổ phần Trường Phú.

Địa chỉ: Nhà số 10, Khu biệt thự II, Bắc Linh Đàm, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Tp. Hà Nội.

Mã số văn phòng đại diện: 0123011417 - 000

**Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập Báo cáo tài chính**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

**Hội đồng Quản trị:**

Ông Lê Thanh Sơn	Chủ tịch HĐQT
Ông Đỗ Văn Trắc	Phó Chủ tịch HĐQT
Ông Lương Hoài Nam	Thành viên
Ông Hồ Đức Thành	Thành viên
Ông Nguyễn Mạnh Cường	Thành viên

**Ban Kiểm soát:**

Ông Phạm Duy Thanh	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Nguyễn Thành Nam	Thành viên
Bà Bùi Thị Luật	Thành viên

**Ban Tổng Giám đốc:**

Ông Lê Thanh Sơn	Tổng Giám đốc
Ông Hồ Đức Thành	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Phương Lan	Kế toán trưởng

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ

*Địa chỉ: Lô A2, Khu Công Nghiệp Phúc Điền, Xã Cẩm Phúc, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương.*

### **Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán được áp dụng theo quy định hiện hành, không có những sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

*Lập, ngày 12 tháng 03 năm 2015*

**TM. Ban Tổng Giám đốc**

**Tổng Giám đốc**



**Lê Thanh Sơn**

Số: 194/BCKT/TC

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**  
(Về Báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty Cổ Phần Trường Phú.)

**Kính gửi: - Hội đồng Quản trị Công ty Cổ Phần Trường Phú;  
- Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Trường Phú.**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2014 kèm theo của Công ty Cổ Phần Trường Phú được lập ngày 12 tháng 03 năm 2015 từ trang 06 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và bản thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Trường Phú tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2015

**Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính  
Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS)**  
**Tổng Giám đốc**



**Đỗ Khắc Thanh**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0064-2013-142-1

**Kiểm toán viên**



**Đinh Thế Đường**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0342-2013-142-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ**

Địa chỉ: Lô A2, Khu Công Nghiệp Phúc Điền, Xã Cẩm Phúc, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương.

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A. Tài sản ngắn hạn (100=110+120+130+140+150)</b>	<b>100</b>		<b>1.303.374.223.913</b>	<b>582.842.685.901</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>1</b>	<b>42.120.065.138</b>	<b>91.578.625.074</b>
1. Tiền	111	1.1	997.981.805	9.584.625.074
2. Các khoản tương đương tiền	112	1.2	41.122.083.333	81.994.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>2</b>	<b>885.284.666.667</b>	<b>276.230.416.667</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		885.284.666.667	276.230.416.667
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129			
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>3</b>	<b>99.351.660.312</b>	<b>64.519.686.177</b>
1. Phải thu của khách hàng	131	3.1	72.214.763.897	55.933.740.015
2. Trả trước cho người bán	132	3.2	700.000.000	700.000.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
5. Các khoản phải thu khác	135	3.3	26.436.896.415	7.885.946.162
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139			
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>4</b>	<b>253.527.105.125</b>	<b>136.901.066.792</b>
1. Hàng tồn kho	141	4.1	253.527.105.125	136.901.066.792
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>	<b>5</b>	<b>23.090.726.671</b>	<b>13.612.891.191</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.1	3.740.710.357	7.864.746.761
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	5.2	14.230.000.097	129.825.515
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154			
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.3	5.120.016.217	5.618.318.915
<b>B. Tài sản dài hạn (200=210+220+240+250+260)</b>	<b>200</b>		<b>65.893.543.788</b>	<b>67.338.453.299</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>			
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>63.977.074.649</b>	<b>65.438.016.989</b>
<b>1. TSCĐ hữu hình</b>	<b>221</b>	<b>6</b>	<b>58.624.495.729</b>	<b>60.075.423.317</b>
- Nguyên giá	222		121.599.012.680	115.248.807.773
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(62.974.516.951)	(55.173.384.456)
<b>3. TSCĐ vô hình</b>	<b>227</b>	<b>7</b>	<b>4.630.380.839</b>	<b>4.752.151.091</b>
- Nguyên giá	228		5.723.202.000	5.723.202.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.092.821.161)	(971.050.909)
<b>4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>230</b>	<b>8</b>	<b>722.198.081</b>	<b>610.442.581</b>
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>			
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>9</b>	<b>175.000.000</b>	<b>175.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư dài hạn khác	258		175.000.000	175.000.000
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>	<b>10</b>	<b>1.741.469.139</b>	<b>1.725.436.310</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.741.469.139	1.725.436.310
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268			
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>1.369.267.767.701</b>	<b>650.181.139.200</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ**

Địa chỉ: Lô A2, Khu Công Nghiệp Phúc Điền, Xã Cẩm Phúc, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương.

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A. Nợ phải trả (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>1.262.649.672.416</b>	<b>544.663.261.054</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>	<b>11</b>	<b>1.262.649.672.416</b>	<b>544.663.261.054</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	11.1	815.250.203.938	188.276.785.336
2. Phải trả người bán	312	11.2	443.618.492.489	341.612.192.333
3. Người mua trả tiền trước	313	11.3	351.389.215	9.722.562.025
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	11.4	84.874.254	80.346.198
5. Phải trả người lao động	315	11.5	388.705.999	235.337.456
6. Chi phí phải trả	316	11.6	192.693.002	191.019.150
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	11.7	2.703.353.150	4.368.238.492
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi, ban điều hành	323	11.8	59.960.369	176.780.064
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>			
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334			
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			
9. Quỹ phát triển khoa học mà công nghệ	339			
<b>B. Vốn chủ sở hữu (400=410+430)</b>	<b>400</b>		<b>106.618.095.285</b>	<b>105.517.878.146</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>12</b>	<b>106.618.095.285</b>	<b>105.517.878.146</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Nguồn vốn lưu động chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ	414		(75.000.000)	(75.000.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		3.327.614.600	3.327.614.600
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.433.657.449	1.433.657.449
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1.931.823.236	831.606.097
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>1.369.267.767.701</b>	<b>650.181.139.200</b>

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
1. Tài sản thuê ngoài				
2. Vật tư, hàng hoá giữ hộ, nhận gia công				
3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược				
4. Nợ khó đòi đã xử lý				
5. Ngoại tệ các loại -USD			1,415.68	1,431.19
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án				

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Lập ngày 12 tháng 03 năm 2015

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

KẾ TOÁN TRƯỞNG  
*Nguyễn Thị Phương Lan*



TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Lê Chanh Sơn*



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2014

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	13	1.185.928.837.121	1.080.791.864.569
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	14		
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01- 02)	10	15	1.185.928.837.121	1.080.791.864.569
4. Giá vốn hàng bán	11	16	1.182.543.915.439	1.082.905.538.882
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		3.384.921.682	(2.113.674.313)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	17	38.430.297.259	22.103.858.561
7. Chi phí tài chính	22	18	32.434.278.742	12.837.234.594
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		25.430.457.480	8.412.549.580
8. Chi phí bán hàng	24		1.371.293.734	1.007.363.183
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		6.756.769.432	5.482.761.747
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		1.252.877.033	662.824.724
11. Thu nhập khác	31	19	550.500.410	96.500.468
12. Chi phí khác	32	20	558.963.277	57.366.798
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(8.462.867)	39.133.670
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		1.244.414.166	701.958.394
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	21	102.616.722	80.346.198
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		1.141.797.444	621.612.196
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	23	114,27	62,21

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Lập ngày 12 tháng 03 năm 2015

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

KẾ TOÁN TRƯỞNG  
Nguyễn Thị Phương Lan



TỔNG GIÁM ĐỐC  
Lê Thanh Sơn

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.244.414.166	701.958.394
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	02	8.348.944.313	8.197.225.616
- Các khoản dự phòng	03		
- Lãi lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	2.346.298.119	603.849.793
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(37.832.439.618)	(22.103.840.215)
- Chi phí lãi vay	06	25.430.457.480	8.412.549.580
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(462.325.540)	(4.188.256.832)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(48.934.043.717)	12.857.220.413
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(116.626.038.333)	47.446.038.372
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	90.215.706.767	207.695.446.151
- Tăng giảm chi phí trả trước	12	4.108.003.575	(1.898.024.851)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(24.611.854.062)	(8.412.549.580)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(98.088.666)	(63.838.408)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	26.765.444.513	9.052.227.728
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(26.556.183.761)	(9.556.473.538)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(96.199.379.224)</b>	<b>252.931.789.455</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(7.331.486.500)	(3.632.809.376)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	550.000.000	96.500.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(1.036.344.666.667)	(521.230.416.667)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	427.290.416.667	261.962.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	35.655.272.626	22.007.340.215
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(580.180.463.874)</b>	<b>(240.797.385.828)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		
2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại c/phiếu của DN đã phát hành	32		
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.321.937.972.093	588.947.793.509
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(694.964.553.491)	(619.610.058.787)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(53.445.260)	(105.472.900)

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ**

Địa chỉ: Lô A2, Khu Công Nghiệp Phúc Điền, Xã Cẩm Phúc, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương.

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ***(Theo phương pháp gián tiếp)*

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	626.919.973.342	(30.767.738.178)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ ( 50=20+30+40)	50	(49.459.869.756)	(18.633.334.551)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	91.578.625.074	110.211.578.783
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hoái đoái quy đổi ngoại tệ	61	1.309.819	380.842
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	42.120.065.138	91.578.625.074

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Lập ngày 20 tháng 01 năm 2015

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

KẾ TOÁN TRƯỞNG  
*Nguyễn Thị Phương Lan*



TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Lê Chanh Sơn*



# CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ

Địa chỉ: Lô A2, Khu Công Nghiệp Phúc Điền, Xã Cẩm Phúc, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

### I Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp:

#### 1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ Phần Trường Phú là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0800298748, đăng ký lần đầu ngày 09 tháng 08 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 04 ngày 27 tháng 5 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hải Dương cấp.

Vốn điều lệ của công ty là: 100.000.000.000 VND (Một trăm tỷ đồng).

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất và Thương mại.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh:

Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác; Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại; Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng; Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học; Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn; Sản xuất đồ điện dân dụng; Sản xuất thiết bị điện khác; Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác); Sửa chữa máy móc, thiết bị; Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học; Sửa chữa thiết bị điện; Sửa chữa thiết bị khác; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: Bán buôn sắt, thép, đồng, nhôm; Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Kho bãi lưu trữ hàng hóa; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Cho thuê xe có động cơ; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị.

### II Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

1. **Niên độ kế toán** của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:** Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

### III Chế độ kế toán áp dụng:

1. **Chế độ kế toán áp dụng:** Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. **Hình thức sổ kế toán áp dụng:** Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chung.

### IV Các chính sách kế toán áp dụng:

1. **Nguyên tắc xác định các khoản tiền: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển**

1.1 **Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền:** Là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

1.2 **Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác:**

Việc ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong năm được thực hiện theo Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính.

2. **Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho:**

2.1 **Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho:**

0298748  
CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ  
NG T  
PH  
NG P  
VG-T.H  
50  
CÓN  
NHIE  
VU  
ÍNH  
KIEM  
JIA  
TP.H

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm 2014**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.

**2.2 Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

**2.3 Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** Căn cứ vào khả năng và tình hình tiêu thụ của khách hàng.

**3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:**

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

**4. Nguyên tắc xác định khoản phải thu, phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng:** Không phát sinh.

**5. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:**

**5.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:**

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng TSCĐ được ghi nhận theo nguyên giá hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

**5.2 Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:**

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng và tuân thủ theo tỷ lệ khấu hao được xác định theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 và Quyết định 1173/QĐ- BTC ngày 21/5/2013 của Bộ Tài Chính.

**6. Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay và các khoản chi phí khác:**

**6.1 Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ

Địa chỉ: Lô A2, Khu Công Nghiệp Phúc Điền, Xã Cẩm Phúc, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương.

# BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

*Tỷ lệ vốn hoá chi phí đi vay được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ: Không phát sinh*

### 6.2 Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí khác:

6.3.1. Chi phí trả trước: Chi phí trả trước phân bổ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

6.3.2. Chi phí khác: Chi phí khác phục vụ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

### 6.3 Phương pháp phân bổ chi phí trả trước:

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

### 7. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác:

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.

- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

### 8. Ghi nhận chi phí trả trước:

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Chi phí thành lập;
- Chi phí trước hoạt động chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm các chi phí đào tạo);
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Lỗi chênh lệch tỷ giá của giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

### 9. Nguồn vốn chủ sở hữu:

#### 9.1 Ghi nhận và trình bày cổ phiếu mua lại:

## CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ

Địa chỉ: Lô A2, Khu Công Nghiệp Phúc Điền, Xã Cẩm Phúc, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương.

# BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

Cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại là cổ phiếu ngân quỹ của Công ty. Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

### **Ghi nhận cổ tức:**

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

### **9.2 Nguyên tắc trích lập các khoản dự trừ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng Quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành.

### **10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu:**

#### **10.1 Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:**

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

#### **10.2 Doanh thu cung cấp dịch vụ:**

Được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

#### **10.3 Doanh thu hoạt động tài chính:**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ**

Địa chỉ: Lô A2, Khu Công Nghiệp Phúc Điền, Xã Cẩm Phúc, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2014

V- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Đơn vị tính: VND

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>1.1- Tiền</b>	<b>997.981.805</b>	<b>9.584.625.074</b>
<b>a. Tiền mặt (VND)</b>	<b>228.506.048</b>	<b>281.915.186</b>
<b>b. Tiền gửi ngân hàng</b>	<b>769.475.757</b>	<b>9.302.709.888</b>
- <b>Tiền gửi ngân hàng (VND)</b>	<b>739.233.310</b>	<b>9.272.570.219</b>
- Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - Hải Dương	449.386.576	4.607.876.403
- Ngân hàng TMCP Quân đội- CN Mỹ Đình		487.516
- Ngân hàng TMCP SHB - Hội Sở	1.914.203	4.877.272
- Ngân hàng Standard Chartered		2.275.895
- Ngân hàng TMCP SEABANK- CN Long Biên		8.306.338
- Ngân hàng TMCP Vietinbank- CN Hải Dương		1.245.648
- Ngân hàng TMCP Techcombank - Chương Dương	102.778.168	530.127.728
- Ngân hàng TMCP Vietcombank - Hải Dương	12.840.483	2.729.179
- Ngân hàng TMCP VIB - Long Biên	115.898.993	54.908.723
- Ngân hàng TMCP Nam Việt - CN Hà Nội	4.807.775	1.773.100
- Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam (PVCCom Bank)	4.451.370	4.878.284
- Ngân hàng TMCP VPbank - Hội sở chính Hà Nội	47.155.742	4.053.084.133
- <b>Tiền gửi ngân hàng (USD)</b>	<b>30.242.447</b>	<b>30.139.669</b>
- Ngân hàng TMCP BIDV Hải Dương (# 262.70 USD)	5.611.929	12.656.349
- Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Mỹ Đình (# 22.15 USD)	473.179	466.461
- Ngân hàng TMCP VPbank - Hội sở chính Hà Nội (# 100.00 USD)	2.139.224	
- Ngân hàng TMCP Techcombank - Chương Dương (# 168.38 USD)	3.599.154	2.762.120
- Ngân hàng TMCP Vietinbank Hải Dương (# 562.21 USD)	12.010.211	4.278.380
- Ngân hàng TMCP Vietcombank - Hải Dương (# 300.00 USD)	6.408.750	6.317.750
- Ngân hàng TMCP VIB - Long Biên (# 173.73 USD)		3.658.609
<b>1.2- Các khoản tương đương tiền</b>	<b>41.122.083.333</b>	<b>81.994.000.000</b>
- Tiền gửi dưới 03 tháng tại NH TMCP Nam Việt- CN Hà Nội	5.022.083.333	39.179.000.000
- Tiền gửi dưới 03 tháng tại NH TMCP Đại Chúng Việt Nam		3.830.000.000
- Tiền gửi dưới 03 tháng tại NH TMCP SHB - Hội sở chính		7.085.000.000
- Tiền gửi dưới 03 tháng tại NH TMCP Techcombank		31.900.000.000
- Tiền gửi dưới 03 tháng tại NH TMCP SHB - CN Hoàn Kiếm	28.000.000.000	
- Tiền gửi dưới 03 tháng tại NH TMCP SHB - CN Thăng Long	8.100.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>42.120.065.138</b>	<b>91.578.625.074</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ**

Địa chỉ: Lô A2, Khu Công Nghiệp Phúc Điền, Xã Cẩm Phúc, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2014

**2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ NGẮN HẠN****\* Đầu tư ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền gửi trên 03 tháng tại NH TMCP BIDV Hải Dương	52.594.666.667	35.300.000.000
- Tiền gửi trên 03 tháng tại NH TMCP SHB - Hội sở chính	299.440.000.000	23.500.000.000
- Tiền gửi trên 03 tháng tại NH TMCP SHB - CN Hoàn Kiếm	8.000.000.000	
- Tiền gửi trên 03 tháng tại NH TMCP SHB - CN Thăng Long	184.390.000.000	
- Tiền gửi trên 03 tháng tại NH TMCP Vietinbank	70.300.000.000	57.330.416.667
- Tiền gửi trên 03 tháng tại NH TMCP VPbank - Hội sở chính Hà Nội	44.000.000.000	45.000.000.000
- Tiền gửi trên 03 tháng tại NH TMCP Techcombank	226.560.000.000	115.100.000.000
<b>Cộng</b>	<b>885.284.666.667</b>	<b>276.230.416.667</b>

**3. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN****3.1- Phải thu khách hàng**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi nhánh Công ty Cổ Phần Xây dựng số 1 - Cofico	262.914.357	262.914.357
- Công ty Cổ Phần Cơ điện Trần Phú	59.538.411.301	18.297.344.520
- Công ty Cổ Phần Công nghiệp Thiên Phú Việt Nam	799.127	80.763.780
- Công ty Cổ Phần Đầu tư Trúc Bạch	60.275.800	60.275.800
- Công ty Cổ Phần đầu tư v XD Bru điện( PTIC)	1.948.723.578	1.948.723.578
- Công ty TNHH SXTM & XNK Lụa Tuyết	2.566.661.227	
- Công ty TNHH SX dịch vụ & Thương Mại Hoàng Huy Tuấn	909.766.000	
- Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Tân Việt Kim	907.795.000	
- Công ty Cổ Phần Intop		355.800
- Công ty Cổ Phần Tập đoàn CN Thiên Phú		25.983.083.986
- Công ty Cổ Phần Thi công cơ giới & Đầu tư xây dựng -VIMCC	397.556.615	567.556.615
- Công ty Cổ Phần Thông tin - Truyền thông (MIC)	840.926.811	840.926.811
- Công ty Cổ Phần Thương mại và tin học Việt Cường	27.462.600	27.462.600
- Công ty TNHH Cơ khí và Thương mại Hoàng Ngân	546.782.500	
- Công ty Cổ Phần TIPHA	129.880.448	129.880.448
- Công ty Cổ Phần TM và DV Bảo An	39.174.920	39.174.920
- Công ty Cổ Phần Viễn thông Thăng Long	1.283.021.717	1.283.021.717
- Công ty TNHH Bách Thông	2.507.963.138	2.507.963.138
- Công ty TNHH Dây và cáp điện LuckySun	724.213	3.591.705.729
- Công ty TNHH Ngân Xuyên	245.924.545	289.194.145
- Công ty TNHH TM & SX An Phú Thịnh		23.392.071

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2014

<b>3.2- Trả trước cho người bán</b>	<b>700.000.000</b>	<b>700.000.000</b>
- Công ty TNHH Cường Hưng	700.000.000	700.000.000
<b>3.3- Phải thu khác</b>	<b>26.436.896.415</b>	<b>7.885.946.162</b>
- Nguyễn Trung Hà	1.000.000.000	1.000.000.000
- Lãi tiền gửi (NH TMCP Công thương - CN Hải Dương)	7.359.389.502	455.502.058
- Lãi tiền gửi (Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Mỹ Đình)		70.000.000
- Lãi tiền gửi (Ngân hàng TMCP Techcombank - Chương Dương)	8.304.715.503	4.343.889.167
- Lãi tiền gửi (Ngân hàng TMCP BIDV - Hải Dương)	1.334.760.778	884.266.667
- Lãi tiền gửi (Ngân hàng TMCP SHB - Hội sở)	6.086.319.446	179.293.472
- Lãi tiền gửi (Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng)	2.149.256.353	842.351.389
- Lãi tiền gửi (Ngân hàng TMCP Nam Việt - CN Hà Nội)	5.175.535	80.052.389
- Lãi tiền gửi (Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Hội sở)		11.575.100
- Nhà máy Dây và Cáp	58.630.497	
- Các đối tượng khác	58.795.346	
- Khối văn phòng	45.401.455	
- Tiền BHXH nộp thừa	34.452.000	19.015.909
<b>Cộng</b>	<b>99.351.660.312</b>	<b>64.519.686.177</b>
<b>4. HÀNG TỒN KHO</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>4.1- Giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>253.527.105.125</b>	<b>136.901.066.792</b>
- Nguyên liệu, vật liệu	166.691.749.620	44.435.898.160
- Công cụ, dụng cụ		
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.416.964.910	1.504.222.858
- Thành phẩm tồn kho	80.465.038.888	31.670.421.912
- Hàng hóa	4.953.351.707	59.290.523.862
<b>Cộng</b>	<b>253.527.105.125</b>	<b>136.901.066.792</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2014

**5. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

**5.1- Chi phí trả trước ngắn hạn**

**5.2- Thuế GTGT được khấu trừ**

- Thuế GTGT được khấu trừ

- Thuế GTGT hàng nhập khẩu

**5.3- Tài sản ngắn hạn khác**

*\*Tạm ứng*

- Trần Đăng Tùng

- Ngô Hồng Quân

- Trịnh Việt Huyền

*\* Các khoản ký quỹ*

- Ngân hàng TMCP Techcombank - Hội Sở chính (# 96,569.92 USD)

- Ngân hàng TMCP Techcombank - Chương Dương (# 142,740 USD)

- Ngân hàng TMCP Vietcombank Hải Dương ( # 118.56 USD)

**Cộng**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	3.740.710.357	7.864.746.761
	14.230.000.097	129.825.515
	11.027.012.404	129.825.515
	3.202.987.693	
	5.120.016.217	5.618.318.915
	5.195.000	3.300.000
		1.000.000
	5.195.000	1.300.000
		1.000.000
	5.114.821.217	5.615.018.915
	2.062.975.010	5.612.522.140
	3.049.283.250	
	2.562.957	2.496.775
	<u>23.090.726.671</u>	<u>13.612.891.191</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ**

Địa chỉ: Lô A2, Khu Công Nghiệp Phúc Điền, Xã Cẩm Phúc, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2014

**6. TĂNG GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

KHOẢN MỤC	Máy móc thiết bị	Nhà cửa vật kiến trúc	Thiết bị dụng cụ QL	Phương tiện vận tải	TSCĐHH khác	Tổng Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>						
1 Số dư đầu năm	92.194.844.306	18.754.088.935	215.804.819	4.084.069.713		115.248.807.773
2 Số tăng trong năm	6.379.995.968	142.070.000		809.420.532		7.331.486.500
<i>Bao gồm:</i>						
- Mua trong năm	6.379.995.968	142.070.000		809.420.532		7.331.486.500
- Tăng khác						
<b>3 Số giảm trong năm</b>	<b>981.281.593</b>					<b>981.281.593</b>
<i>Bao gồm:</i>						
- Thanh lý, nhượng bán	981.281.593					981.281.593
- Giảm khác						
<b>4 Số dư cuối năm</b>	<b>97.593.558.681</b>	<b>18.896.158.935</b>	<b>215.804.819</b>	<b>4.893.490.245</b>		<b>121.599.012.680</b>
<b>II. Giá trị hao mòn LK</b>						
1 Số dư đầu năm	46.999.651.175	5.969.372.510	88.054.001	2.116.306.770		55.173.384.456
2 Số tăng trong năm	6.981.589.806	755.253.465	54.185.544	436.145.246		8.227.174.061
- Khấu hao trong năm	6.981.589.806	755.253.465	54.185.544	436.145.246		8.227.174.061
- Tăng khác						
<b>3 Số giảm trong năm</b>	<b>426.041.566</b>					<b>426.041.566</b>
<i>Bao gồm:</i>						
- Thanh lý, nhượng bán	426.041.566					426.041.566
- Giảm khác						
<b>4 Số dư cuối năm</b>	<b>53.555.199.415</b>	<b>6.724.625.975</b>	<b>142.239.545</b>	<b>2.552.452.016</b>		<b>62.974.516.951</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>						
1 Tại ngày đầu năm	45.195.193.131	12.784.716.425	127.750.818	1.967.762.943		60.075.423.317
2 Tại ngày cuối năm	44.038.359.266	12.171.532.960	73.565.274	2.341.038.229		58.624.495.729

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.245.472.632 đồng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ**

Địa chỉ: Lô A2, Khu Công Nghiệp Phúc Điền, Xã Cẩm Phúc, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2014

**7. TẶNG GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

KHOẢN MỤC	Quyền sử dụng đất	Quyền phát minh	Bản quyền, bằng sáng chế	TSCĐVH	Tổng Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>					
1 Số dư đầu năm	5.723.202.000				5.723.202.000
2 Số tăng trong năm					
<i>Bao gồm:</i>					
- Mua trong năm					
- Tặng khác					
3 Số giảm trong năm					
<i>Bao gồm:</i>					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
4 Số dư cuối năm	5.723.202.000				5.723.202.000
<b>II. Giá trị hao mòn LK</b>					
1 Số dư đầu năm	971.050.909				971.050.909
2 Số tăng trong năm	121.770.252				121.770.252
- Khấu hao trong năm	121.770.252				121.770.252
3 Số giảm trong năm					
<i>Bao gồm:</i>					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
4 Số dư cuối năm	1.092.821.161				1.092.821.161
<b>III. Giá trị còn lại</b>					
1 Tại ngày đầu năm	4.752.151.091				4.752.151.091
2 Tại ngày cuối năm	4.630.380.839				4.630.380.839

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển - CN Hải Dương: 4.630.380.839 đồng.

00298746  
 CÔNG T  
 Ỏ PHẢ  
 ƯỜNG P  
 2/ANG-T.Y

0117  
 CÔNG T  
 THIÊM H  
 VỤ T  
 21  
 TIÊM T  
 IA NA  
 P. HỒ

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ**

Địa chỉ: Lô A2, Khu Công Nghiệp Phúc Điền, Xã Cẩm Phúc, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2014

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG</b>		
- Sửa chữa TSCĐ	722.198.081	722.198.081
<b>Cộng</b>	<b>722.198.081</b>	<b>722.198.081</b>
<b>9. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN</b>		
- Công ty Cổ Phần Đầu tư Thủy Điện Miền Trung Việt Nam	175.000.000	175.000.000
<b>Cộng</b>	<b>175.000.000</b>	<b>175.000.000</b>
<b>10. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC</b>		
<b>10.1- Chi phí trả trước dài hạn</b>		
- Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	1.451.096.411	1.719.797.977
- Phần mềm kế toán	290.372.728	5.638.333
<b>Cộng</b>	<b>1.741.469.139</b>	<b>1.725.436.310</b>
<b>11. NỢ NGẮN HẠN</b>		
<b>11.1- Vay và nợ ngắn hạn</b>		
- Vay ngắn hạn VND - SHB Long Biên	28.000.000.000	
- Vay ngắn hạn VND - BIDV Hải Dương	140.266.286.960	
- Vay ngắn hạn VND - MB Mỹ Đình		32.696.119.526
- Vay ngắn hạn VND - Techcombank Chương Dương		63.000.000.000
- Vay ngắn hạn VND - Vietinbank Hải Dương	461.316.938.131	73.080.665.810
- Vay ngắn hạn VND - VPBank	9.362.647.236	19.500.000.000
- Vay ngắn hạn VND - Techcombank Chương Dương	176.304.331.611	
<b>11.2- Phải trả người bán</b>	<b>443.618.492.489</b>	<b>341.612.192.333</b>
- BHP Billiton Marketing AG - Singapore branch (# 14,379,980.14 USD)	307.192.325.741	
- Công ty TNHH Thép Đa Việt	6.241.559.500	
- Công ty Cổ Phần Cơ điện Trần Phú	5.314.191.300	
- Công ty Cổ Phần Dây và ống đồng Trần Phú		120.000.000
- Công ty TNHH 3H Vinacom		1.086.800.000
- Công ty TNHH SX và Thương Mại Trọng Thành	2.179.750.650	
- Công ty Cổ Phần Vật tư Xăng dầu Hải Dương	492.037.000	367.341.432
- Công ty TM & VT Hàng Mạnh Long		233.134.536
- Shanghai Shufu International Trade Co., Limited (# 9,680.00 USD)	206.789.000	
- Công ty TNHH Đông Vũ		137.605.600
- Công ty TNHH MTV kinh doanh nước sạch Hải Dương	4.243.575	
- Công ty Cổ Phần Đầu tư và Phát triển hạ tầng Nam Quang	1.335.840	
- Công ty TNHH sản xuất xây lắp Thái Hưng	19.822.750	49.822.750
- Daewoo International Corporation (# 5,709,370.96 USD)	121.966.437.133	339.617.488.015
<b>11.3- Người mua trả tiền trước</b>	<b>351.389.215</b>	<b>9.722.562.025</b>
- Công ty TNHH TM & SX An Phú Thịnh	347.804.815	
- Công ty Cổ Phần Intop	99.600	
- Công ty Cổ Phần dây cáp truyền hình Việt Nam	3.484.800	
- Công ty TNHH SXTM & XNK Lụa Tuyết		229.463.825
- Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Tân Việt Kim		9.493.098.200

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ**

Địa chỉ: Lô A2, Khu Công Nghiệp Phúc Điền, Xã Cẩm Phúc, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2014

<b>11.4- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>	<b>84.874.254</b>	<b>80.346.198</b>
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	84.874.254	80.346.198
<i>Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.</i>		
<b>11.5- Phải trả người lao động</b>	<b>388.705.999</b>	<b>235.337.456</b>
<b>11.6- Chi phí phải trả</b>	<b>192.693.002</b>	<b>191.019.150</b>
<b>11.7- Các khoản phải trả, phải nộp khác</b>	<b>2.703.353.150</b>	<b>4.368.238.492</b>
- Các cổ đông phổ thông	1.022.692.140	1.076.137.400
- Công ty TNHH SX TM & XNK Lụa Tuyết	69.956.500	
- Lãi vay phải trả - NH TMCP BIDV Hải Dương	103.147.542	
- Lãi vay phải trả - NH TMCP Techcom Bank - CN Chương Dương	285.856.711	
- Lãi vay phải trả - NH TMCP SHB - Hội Sở	11.355.556	
- Lãi vay phải trả - NH TMCP Công thương VN - CN Hải Dương	410.415.396	
- Lãi vay phải trả - NH TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	7.828.213	
- Lê Thanh Sơn	792.101.092	3.292.101.092
<b>11.8- Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Ban điều hành</b>	<b>59.960.369</b>	<b>176.780.064</b>
<b>Cộng</b>	<b>1.262.649.672.416</b>	<b>544.663.261.054</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ**

Địa chỉ: Lô A2, Khu Công Nghiệp Phúc Điền, Xã Cẩm Phúc, Huyện Cẩm Giang, Tỉnh Hải Dương.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2014

**12. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng Cộng
	1	2	3	4	5	6	7
<b>Số dư đầu năm trước</b>	100.000.000.000	(75.000.000)		3.327.614.600	1.433.657.449	209.993.901	104.896.265.950
Tăng vốn trong năm trước							
Lãi trong năm trước						621.612.196	621.612.196
Tăng khác							
Giảm vốn trong năm trước							
Lỗ trong năm trước							
Giảm khác							
<b>Số dư cuối năm trước.</b>	100.000.000.000	(75.000.000)		3.327.614.600	1.433.657.449	831.606.097	105.517.878.146
<b>Số dư đầu năm nay</b>							
Tăng vốn trong năm nay							
Lãi trong năm nay							
Tăng khác							
Giảm vốn trong năm nay							
Lỗ trong năm nay							
Giảm khác(*)							
<b>Số dư cuối năm nay</b>	100.000.000.000	(75.000.000)		3.327.614.600	1.433.657.449	1.931.823.236	106.618.095.285

**Ghi chú (\*):** Giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

- Trích lập quỹ khen thưởng

- Trích lập quỹ phúc lợi

**Cộng****Số tiền**

31.080.610

10.499.695

**41.580.305**

1172  
 NG TY  
 HỮU  
 T  
 K  
 M T  
 A NAI  
 HỒ  
 24  
 T  
 H  
 PH  
 H  
 5748



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ**

Địa chỉ: Lô A2, Khu Công Nghiệp Phúc Điền, Xã Cẩm Phúc, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

	Năm 2014	Số cuối năm	Số đầu năm
	Tỷ lệ		
<b>b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>			
- Vốn góp của Nhà nước		100.000.000.000	100.000.000.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	100%		
<b>Cộng vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>100%</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>100.000.000.000</b>
<b>c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận</b>			
<b>Vốn đầu tư của chủ SH</b>		<b>Số năm nay</b>	<b>Số năm trước</b>
- Vốn góp đầu năm		100.000.000.000	100.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm			
- Vốn góp giảm trong năm		100.000.000.000	100.000.000.000
- Vốn góp cuối năm		53.445.260	105.472.900
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia			
<b>d) Cổ phiếu</b>		<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		10.000.000	10.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		10.000.000	10.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông		10.000.000	10.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi			
- Số lượng cổ phiếu được mua lại		7.500	7.500
+ Cổ phiếu phổ thông		7.500	7.500
+ Cổ phiếu ưu đãi			
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		10.000.000	10.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông		9.992.500	9.992.500
+ Cổ phiếu ưu đãi			
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000đ/CP		10.000 đ/CP	10.000 đ/CP
<b>e) Các quỹ của doanh nghiệp</b>		<b>4.761.272.049</b>	<b>4.761.272.049</b>
- Quỹ đầu tư phát triển		3.327.614.600	3.327.614.600
- Quỹ dự phòng tài chính		1.433.657.449	1.433.657.449
<b>13. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ</b>		<b>Số năm nay</b>	<b>Số năm trước</b>
- Doanh thu bán hàng		695.989.714.564	645.278.538.062
- Doanh thu bán thành phẩm		487.639.393.182	430.539.878.893
- Doanh thu cung cấp dịch vụ		2.299.729.375	4.973.447.614
<b>Cộng</b>		<b>1.185.928.837.121</b>	<b>1.080.791.864.569</b>
<b>14. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU</b>		<b>Số năm nay</b>	<b>Số năm trước</b>
+ Chiết khấu thương mại			
+ Hàng bán trả lại			
<b>Cộng</b>			
<b>15. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ</b>		<b>Số năm nay</b>	<b>Số năm trước</b>
- Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm, hàng hóa		695.989.714.564	645.278.538.062
- Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm, hàng hóa		487.639.393.182	430.539.878.893
- Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ		2.299.729.375	4.973.447.614
<b>Cộng</b>		<b>1.185.928.837.121</b>	<b>1.080.791.864.569</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2014

**16. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

- Giá vốn của hàng hóa đã bán
- Giá vốn của thành phẩm đã bán
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp

**Cộng**

Số năm nay	Số năm trước
672.041.180.798	641.154.950.919
502.177.101.609	437.163.444.444
8.325.633.032	4.587.143.519
<b>1.182.543.915.439</b>	<b>1.082.905.538.882</b>

**17. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

- Lãi tiền vay, tiền gửi
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện
- Lãi bán hàng trả chậm

**Cộng**

Số năm nay	Số năm trước
35.655.272.626	21.822.427.921
592.617.614	96.518.346
2.182.407.019	184.912.294
<b>38.430.297.259</b>	<b>22.103.858.561</b>

**18. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

- Lãi tiền vay
- Lỗ do chênh lệch tỷ giá đã thực hiện
- Lỗ do chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện

**Cộng**

Số năm nay	Số năm trước
25.430.457.480	8.412.549.580
4.657.523.143	3.820.835.221
2.346.298.119	603.849.793
<b>32.434.278.742</b>	<b>12.837.234.594</b>

**19. THU NHẬP KHÁC**

- Thanh lý công cụ dụng cụ
- Thanh lý tài sản cố định
- Thu nhập khác

**Cộng**

Số năm nay	Số năm trước
	96.500.000
550.000.000	
500.410	468
<b>550.500.410</b>	<b>96.500.468</b>

**20. CHI PHÍ KHÁC**

- Giá trị còn lại của TS thanh lý
- Lãi chậm nộp thuế GTGT
- Chi phí khác

**Cộng**

Số năm nay	Số năm trước
555.240.027	
3.671.118	16.589.787
52.132	40.777.011
<b>558.963.277</b>	<b>57.366.798</b>

**21. CHI PHÍ THUẾ TNDN HIỆN HÀNH**

- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế hiện hành

**Cộng**

Số năm nay	Số năm trước
102.616.722	80.346.198
<b>102.616.722</b>	<b>80.346.198</b>

**22. THUẾ TNDN PHẢI NỘP VÀ LỢI NHUẬN SAU THUẾ TRONG KỲ**

- a- Tổng lợi nhuận trước thuế
- b- Các khoản điều chỉnh tăng
  - Chi phí không hợp lệ
  - Lỗ do đánh giá CLTG cuối năm
- c- Các khoản điều chỉnh giảm
- d- Tổng thu nhập chịu thuế (d=a+b-c)
  - + Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh
  - + Các khoản thu nhập khác
- e- Thuế TNDN phải nộp
  - + Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh
  - + Các khoản thu nhập khác

Số năm nay	Số năm trước
1.244.414.166	701.958.394
123.808.795	144.157.588
123.723.249	123.382.598
85.546	20.774.990
<b>1.368.222.961</b>	<b>846.115.982</b>
1.368.222.961	749.615.982
	96.500.000
<b>205.233.444</b>	<b>136.567.397</b>
205.233.444	112.442.397
	24.125.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ**

Địa chỉ: Lô A2, Khu Công Nghiệp Phúc Điền, Xã Cẩm Phúc, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2014

<b>f- Thuế TNDN được miễn giảm</b>		<b>102.616.722</b>	<b>56.221.199</b>
+ Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh		102.616.722	56.221.199
+ Các khoản thu nhập khác			
<b>g- Thuế TNDN còn phải nộp</b>		<b>102.616.722</b>	<b>80.346.199</b>
<b>h- Lợi nhuận sau thuế TNDN ( h=a-g)</b>		<b>1.141.797.444</b>	<b>621.612.196</b>
<b>23. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU</b>		<b>Số năm nay</b>	<b>Số năm trước</b>
+ Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp		1.141.797.444	621.612.196
+ Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		1.141.797.444	621.612.196
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ		9.992.500	9.992.500
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu		<b>114,27</b>	<b>62,21</b>
<b>24. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ</b>		<b>Số năm nay</b>	<b>Số năm trước</b>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu		1.110.541.807.755	630.725.114.536
- Chi phí nhân công		5.665.838.787	3.734.959.799
- Chi phí khấu hao TSCĐ		8.348.944.313	8.197.225.616
- Chi phí dịch vụ mua ngoài		291.173.007	267.234.390
- Chi phí bằng tiền khác		12.866.345.789	1.241.675.949
<b>Cộng</b>		<b>1.137.714.109.651</b>	<b>644.166.210.290</b>
<b>25. CHI PHÍ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT</b>		<b>Số năm nay</b>	<b>Số năm trước</b>
- Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát		216.000.000	100.000.000
<b>Cộng</b>		<b>216.000.000</b>	<b>100.000.000</b>
<b>26. THÔNG TIN BỔ SUNG</b>			
<b>26.1- Giao dịch với các bên có liên quan:</b>			
<i>Trong năm 2014, Công ty có phát sinh nghiệp vụ với các bên có liên quan như sau:</i>			
<b>Các bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Nội dung nghiệp vụ</b>	<b>Giá trị giao dịch</b>
- Lê Thanh Sơn	Tổng Giám đốc	Công ty mượn tiền	5.000.000.000
		Công ty trả tiền	7.500.000.000
<i>Tại ngày 31/12/2014, số dư của các khoản phải thu, phải trả với các bên có liên quan như sau:</i>			
<b>Công nợ phải thu</b>		<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Ông Nguyễn Trung Hà	Thành viên HĐQT	1.000.000.000	1.000.000.000
<b>Cộng</b>		<b>1.000.000.000</b>	<b>1.000.000.000</b>
<b>Công nợ phải trả</b>		<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Ông Lê Thanh Sơn	Tổng Giám đốc	792.101.092	3.292.101.092
<b>Cộng</b>		<b>792.101.092</b>	<b>3.292.101.092</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ**

Địa chỉ: Lô A2, Khu Công Nghiệp Phúc Điền, Xã Cẩm Phúc, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2014

**26.2- Báo cáo bộ phận****26.2.1- Báo cáo bộ phận:** Bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.**a- Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:** Lĩnh vực kinh doanh gồm sản xuất, kinh doanh dây đồng, các sản phẩm dây và cáp, gia công dây đồng, dây cáp.**b- Bộ phận theo khu vực địa lý:** Hải Dương và Hà Nội.**26.2.2- Trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:**

Chỉ tiêu	Hoạt động sản xuất	Hoạt động kinh doanh	Hoạt động gia công	Tổng
<b>A- Kết quả</b>				
1- Doanh thu thuần	695.989.714.564	487.639.393.182	2.299.729.375	1.185.928.837.121
2- Chi phí	695.254.434.755	487.124.225.512	2.297.299.821	1.184.675.960.088
- Giá vốn hàng bán ra	694.003.195.136	486.247.554.900	2.293.165.403	1.182.543.915.439
- Chi phí quản lý	3.965.366.117	2.778.300.723	13.102.592	6.756.769.432
- Chi phí bán hàng	804.775.383	563.859.165	2.659.185	1.371.293.734
- Hoạt động tài chính	(3.518.901.881)	(2.465.489.277)	(11.627.359)	(5.996.018.517)
+ Chi phí tài chính	19.034.805.207	13.336.577.633	62.895.902	32.434.278.742
+ Thu nhập tài chính	22.553.707.088	15.802.066.910	74.523.260	38.430.297.259
3- Lợi nhuận thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	735.279.809	515.167.670	2.429.554	1.252.877.033
B- Tổng giá trị của tài sản bộ phận	803.586.398.251	563.026.112.904	2.655.256.546	1.369.267.767.701
C- Nợ phải trả của bộ phận	741.015.107.814	519.186.059.724	2.448.504.877	1.262.649.672.416
D- Tổng chi phí phát sinh trong niên độ để mua TSCĐ	4.302.652.096	3.014.617.333	14.217.071	7.331.486.500
E- Tổng chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ chi phí trả trước	9.581.107.874	6.712.923.384	31.658.449	16.325.689.708
- Tổng chi phí khấu hao TSCĐ	4.899.770.701	3.432.983.507	16.190.105	8.348.944.313
- Tổng chi phí phân bổ chi phí trả trước	4.681.337.174	3.279.939.877	15.468.344	7.976.745.395



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ**

Địa chỉ: Lô A2, Khu Công Nghiệp Phúc Điền, Xã Cẩm Phúc, Huyện Cẩm Giang, Tỉnh Hải Dương.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2014

**26.2.3- Công cụ tài chính**

**a) Tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính**

	Giá trị số sách		Giá trị dự phòng		Giá trị hợp lý	
	Ngày 31/12/2014	Ngày 31/12/2013	Ngày 31/12/2014	Ngày 31/12/2013	Ngày 31/12/2014	Ngày 31/12/2013
<b>Tài sản tài chính</b>						
- Tiền và các khoản tương đương tiền	42.120.065.138	91.578.625.074			42.120.065.138	91.578.625.074
- Phải thu của khách hàng	72.214.763.897	55.933.740.015			72.214.763.897	55.933.740.015
- Phải thu ngắn hạn khác	26.436.896.415	7.885.946.162			26.436.896.415	7.885.946.162
<b>Cộng</b>	<b>140.771.725.450</b>	<b>155.398.311.251</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>140.771.725.450</b>	<b>155.398.311.251</b>

	Giá trị số sách		Giá trị dự phòng		Giá trị hợp lý	
	Ngày 31/12/2014	Ngày 31/12/2013	Ngày 31/12/2014	Ngày 31/12/2013	Ngày 31/12/2014	Ngày 31/12/2013
<b>Nợ phải trả tài chính</b>						
- Vay và nợ ngắn hạn	815.250.203.938	188.276.785.336			815.250.203.938	188.276.785.336
- Phải trả người bán	443.618.492.489	341.612.192.333			443.618.492.489	341.612.192.333
- Chi phí phải trả	192.693.002	191.019.150			192.693.002	191.019.150
- Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	2.703.353.150	4.368.238.492			2.703.353.150	4.368.238.492
<b>Cộng</b>	<b>1.261.764.742.579</b>	<b>534.448.235.311</b>			<b>1.261.764.742.579</b>	<b>534.448.235.311</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính là giá trị mà một tài sản có thể được trao đổi, hoặc một khoản nợ phải trả có thể được thanh toán giữa các bên có đầy đủ hiểu biết, mong muốn giao dịch, trong một giao dịch trao đổi ngang giá.

**b) Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính**

Các nhân tố rủi ro tài chính:

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính:

- Rủi ro thị trường
- Rủi ro tín dụng
- Rủi ro thanh khoản

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Tổng Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, giám sát rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.



## CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỞNG PHÚ

Địa chỉ: Lô A2, Khu Công Nghiệp Phúc Điền, Xã Cẩm Phúc, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương.

# BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

### b.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, và rủi ro về giá khác.

#### *Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty có ảnh hưởng của rủi ro ngoại tệ do việc mua nguyên vật liệu được thực hiện bằng ngoại tệ, nhưng đầu ra bán hàng được thực hiện bằng đồng Việt nam và có đảm bảo bằng đồng ngoại tệ tại thời điểm bán hàng và xác định công nợ nên việc rủi ro về tỷ giá ngoại tệ được bù đắp.

#### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty không có rủi ro lãi suất do các khoản vay theo lãi suất thấp và cố định và công ty luôn được các ngân hàng xếp hạng tín dụng tốt nên lãi suất các tổ chức thường áp dụng ở mức lãi suất phù hợp nhất so với thị trường.

#### *Rủi ro về giá khác*

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái. Vấn đề này không ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty.

### b.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

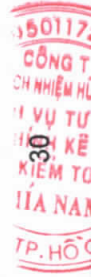
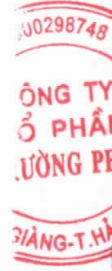
Các khách hàng của công ty chủ yếu là các Công ty có khả năng tài chính ổn định, những khách hàng nhỏ, lẻ việc thanh toán theo phương thức thanh toán ngay trước khi giao hàng, ngoại trừ có một số khách hàng có mối quan hệ truyền thống lâu năm trong ngành dây và cáp Công ty có áp dụng cho thanh toán trả chậm có giới hạn.

#### *Phải thu khách hàng*

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách đưa ra chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình công nợ để đón đốc thu hồi. Trong năm không phát sinh các khoản phải thu khó đòi. Tuy nhiên cũng có một số công ty phát sinh công nợ từ những năm trước đó là các khoản lãi phát sinh do chậm thanh toán, đến nay vẫn chưa đòi được vì các đối tác đó thay đổi ban lãnh đạo, các khoản thu này được xác định là rất khó đòi được trong năm nay, có thể sẽ phải dùng các biện pháp mạnh hơn thì mới thu hồi được.

#### *Tiền gửi ngân hàng*

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ**

Địa chỉ: Lô A2, Khu Công Nghiệp Phúc Điền, Xã Cẩm Phúc, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2014

**b.3 Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau. Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền. Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**26.3- Số liệu so sánh**

Số dư đầu năm trên Báo cáo tài chính năm 2014 là số dư cuối năm trên Báo cáo tài chính năm 2013 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCs).

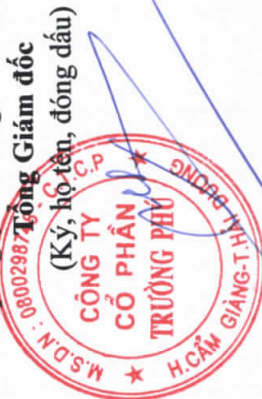
Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG  
*Nguyễn Thị Phương Lan*



Lập, ngày 12 tháng 03 năm 2015



TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Lê Thanh Sơn*

